TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2019/DS-ST
Ngày: 15/10/2019
V/v: "*Đòi lại tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều

2. Ông Trương Hoàng Hoa

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phan Thủy Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:*** Không tham gia

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2019/TLST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2019/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:*

- Chị M, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện X, tỉnh Tiền Giang

- Anh V, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện X, tỉnh Tiền Giang

Chị T có mặt;

Chị M, anh V vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị có tham gia hụi do chị M và anh V làm chủ hụi. Cụ thể những dây hụi như sau:

Dây hụi 500.000 đồng/tháng, khui ngày 30/11/2016 (ÂL), gồm có 32 phần, chị tham gia 01 phần. Ngày 05/04/2019 (ÂL) chị M anh V tuyên bố vỡ hụi. Chị đóng nuôi 29 tháng số tiền 14.500.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 25/06/2017 (ÂL), gồm có 28 phần, chị tham gia 01 phần. Ngày 05/04/2019 (ÂL) chị M anh V tuyên bố vỡ hụi. Chị đóng nuôi 22 tháng số tiền 22.000.000 đồng.

Ngày 25/6/2017 (ÂL) chị có mua của chị M 02 phần hụi 500.000 đồng/tháng số tiền 31.800.000 đồng.

Dây hụi 500.000 đồng/tháng, khui ngày 20/7/2018 (ÂL), gồm có 34 phần, chị tham gia 02 phần. Hụi chưa mãn. Ngày 05/04/2019 (ÂL) chị M anh V tuyên bố vỡ hụi. Chị đóng nuôi 18 tháng x 02 phần số tiền 9.000.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/10/2018 (ÂL), gồm có 21 phần, chị tham gia 01 phần. Hụi chưa mãn. Ngày 05/04/2019 (ÂL) chị M anh V tuyên bố vỡ hụi. Chị đóng nuôi hụi 06 tháng số tiền 6.000.000 đồng.

Hai dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 05/3/2018 (ÂL), mỗi dây gồm có 23 phần. Hụi chưa mãn. Ngày 05/04/2019 (ÂL) chị M anh V tuyên bố vỡ hụi Mỗi dây chị tham gia 01 phần và đóng nuôi hụi 13 tháng/01 dây x 02 dây = 26 tháng, số tiền 26.000.000 đồng.

Hai dây hụi 1.000.000 đồng/ tháng, khui ngày 30/7/2018 (ÂL). Hụi chưa mãn. Ngày 05/04/2019 (ÂL) chị M anh V tuyên bố vỡ hụi, trong đó:

+ 01 dây hụi chị tham gia 01 phần, gồm có 23 phần, đóng nuôi hụi 08 tháng số tiền 8.000.000 đồng.

+ 01 dây hụi chị tham gia 02 phần, gồm có 24 phần, đóng nuôi hụi 08 tháng x 02 phần số tiền 16.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2018 (ÂL) chị có mua của chị M 01 phần hụi 1.000.000 đồng/tháng số tiền 18.000.000 đồng.

Tổng cộng chị M, anh V thiếu chị số tiền 151.300.000 đồng.

Khi bị bể hụi thì chị M có ghi và ký tên vào biên nhận cho chị là có nợ chị số tiền hụi 151.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nhưng chị không đồng ý.

Nay chị yêu cầu chị M và anh V trả chị số tiền 151.000.000 đồng, không tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị M và anh V biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng chị M và anh V vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc chị Đỗ Thị Kim Thu khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị M và anh V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc hai bên đã lập "Giấy nhận nợ" là để khẳng định chị M còn nợ chị T số tiền 151.000.000 đồng chứ không đơn thuần là có nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng góp hụi. Do đó chị T kiện đòi 151.000.000 đồng được xác định là kiện *"Đòi lại tài sản"* thuộc yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu và không hạn chế thời hiệu khởi kiện với tranh chấp này.

[3] Về nội dung vụ án: Chị T khởi kiện yêu cầu chị M và anh V liên đới trả số tiền nợ hụi là 151.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị T là tờ "Giấy nhận nợ" được chị T cung cấp do chị M viết và ký tên. "Giấy nhận nợ" ngày 05/6/2019 (ÂL) thể hiện nội dung chị M còn nợ chị T số tiền hụi là 151.000.000 đồng, phía chị M cũng không có yêu cầu giải quyết về quan hệ hợp đồng góp hụi đối với số tiền hụi thực tế mà chị T đã góp. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết về nghĩa vụ trả tiền của chị M cho chị T theo thỏa thuận ngày 05/6/2019 (ÂL).

[3.1] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị M tuy nhiên chị M không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị M phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định chị M còn nợ chị T số tiền 151.000.000 đồng.

[3.2] Về nghĩa vụ liên đới: Chị M và anh V là vợ chồng, do đó phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định của pháp luật. Điều này phù hợp với quy định tại các Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc vợ chồng chị M và anh V có trách nhiệm liên đới trả cho chị Đỗ Thị Kim Thu số tiền hụi còn nợ là 151.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 163; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc chị M và anh V liên đới trả cho chị T số tiền 151.000.000 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T cho đến khi thi hành án xong, chị M và anh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Chị M và anh V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.550.000 đồng

Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.775.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2791 ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện X

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự văng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc